**Biểu B1b-ĐGĐX.KHCN**25/2023/TT-BKHCN

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNHNHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
|  | *….., ngày ... tháng ... năm 20....* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO**

**ĐẾN NĂM 2030**

**Tên đề xuất:**

**Đánh giá của ủy viên Hội đồng tư vấn:** (đánh dấu **X** vào ô lựa chọn)

1. Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đạt yêu cầu 🞏 |  | Không đạt yêu cầu 🞏 |

2. Sự phù hợp công nghệ, sản phẩm của dự án KH&CN với Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đạt yêu cầu 🞏 |  | Không đạt yêu cầu 🞏 |

3. Tính khả thi của Dự án khoa học và công nghệ thể hiện qua các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đạt yêu cầu 🞏 |  | Không đạt yêu cầu 🞏 |

4. Khả năng áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao/ứng dụng công nghệ cao/cung ứng dịch vụ công nghệ cao; Khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đạt yêu cầu 🞏 |  | Không đạt yêu cầu 🞏 |

5. Các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đảm bảo mục tiêu, nội dung gắn kết, đồng bộ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đạt yêu cầu 🞏 |  | Không đạt yêu cầu 🞏 |

6. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đạt yêu cầu 🞏 |  | Không đạt yêu cầu 🞏 |

**Kết luận chung:**

|  |  |
| --- | --- |
|  🞏 Đề nghị thực hiện  | 🞏 Đề nghị không thực hiện |
|  | ….., *Ngày ….. tháng ….. năm 20…* **ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |